

30 NĂM THU HÚT FDI TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG BỐI CẢNH MỚI

Nguyễn Tiến Long¹, Nguyễn Thị Thu Hà², Đàm Phương Lan³,
Nguyễn Thị Thu Thương⁴, Nguyễn Năng Khánh⁵, Lê Thị Hoài Anh⁶

Tóm tắt

Bài viết khái quát thực trạng thu hút FDI trong 30 năm từ khi bắt đầu có dự án FDI đầu tiên tại tỉnh Thái Nguyên (năm 1993), đánh giá được những đóng góp từ khu vực FDI đến nền kinh tế của tỉnh Thái Nguyên (tăng trưởng GRDP, chuyển giao khoa học công nghệ, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, giá trị xuất khẩu, phát triển công nghiệp hỗ trợ...); chỉ rõ những hạn chế và nguyên nhân từ khu vực FDI. Từ đó, đề xuất một số giải pháp tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh mới.

Từ khóa: FDI, thu hút FDI, bối cảnh mới, tỉnh Thái Nguyên.

30 YEARS ATTRACTING FDI INTO THAI NGUYEN PROVINCE: THE SITUATION AND PROBLEMS IN THE NEW CONTEXT

Abstract

The article summarizes the situation of Foreign Direct Investment (FDI) attraction in nearly 30 years since the first FDI project in Thai Nguyen province (in 1993), evaluates its contributions from the FDI sector to the economy of Thai Nguyen province (GRDP growth, science and technology transfer, job creation, improvement of labor productivity, export value, development of supporting industries...), points out limitations and causes. The writer has recommended several suggestions to enhance the attraction and effective use of FDI into Thai Nguyen in the new context.

Keywords: Foreign Direct Investment, FDI attraction, new context, Thai Nguyen province.

JEL classification: F, F21, F63, O19.

1. Giới thiệu

Gần 40 năm thực hiện chính sách Đổi mới, mở cửa nền kinh tế. Việt Nam đã thu hút được gần 450 tỷ USD vốn FDI với trên 75 nghìn dự án FDI. Cho đến nay, FDI luôn được đánh giá là tạo ra những giá trị cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Dòng vốn FDI đã thực sự có những đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội như: bổ sung nguồn vốn đầu tư còn thiếu hụt, đẩy mạnh xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước,... Tính chung, khu vực FDI ở Việt Nam đã đóng góp khoảng 25% GDP, khoảng 27% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và chiếm hơn 45% giá trị sản xuất công nghiệp, hơn 55% tổng kim ngạch xuất khẩu, gần 50% tổng kim ngạch nhập khẩu và khoảng 35% tổng thu cho ngân sách quốc gia (Niên giám thống kê, 2022).

Trong hơn 30 năm qua (1993 - 2022), thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên có nhiều kết quả tích cực, khu vực FDI đã có những đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế của Tỉnh. Kết quả phân tích cơ cấu theo thành phần kinh tế chỉ ra vai trò và sức ảnh hưởng lớn của khu vực FDI với phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên. Với xuất phát gần như bằng 0 vào năm 1993, hiện tại khu vực FDI chiếm tỷ trọng 38% trong GRDP và vươn lên vị trí đầu trong nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên (Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2014 - 2022). Tuy nhiên, thu hút FDI cao chưa thực sự là một chỉ báo rõ ràng về môi trường đầu tư, kinh doanh tại tỉnh Thái Nguyên đang tốt lên bởi các nhà đầu tư FDI hay các tập đoàn lớn thường có khả năng và nguồn lực để thiết lập các cơ chế, chính sách và môi trường đầu tư theo yêu cầu; đặc biệt trong bối cảnh mới, thu hút FDI vào tỉnh Thái

Nguyên sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức. Trên cơ sở phân tích thực trạng 30 năm thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên, dự báo được bối cảnh mới thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, có các giải pháp tăng cường thu hút FDI góp phần thúc đẩy nhanh và bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở khoa học về thu hút FDI

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là một loại hình di chuyển vốn quốc tế giữa các quốc gia, trong đó người chủ sở hữu vốn đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động sử dụng vốn đầu tư (Đỗ Đức Bình, 2015).

Thu hút FDI là hoạt động nhằm khai thác, huy động các nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ các Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài vào trong nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của nước tiếp nhận đầu tư (WTO, 2010).

Theo nghĩa hẹp, thu hút FDI gồm tổng hợp các cơ chế, chính sách của Nhà nước sở tại cũng như của các địa phương tiếp nhận đầu tư nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp vào thị trường trong nước dưới nhiều hình thức khác nhau, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của đất nước.

Theo nghĩa rộng, thu hút FDI là tổng thể các yếu tố, điều kiện và chính sách của nước tiếp nhận đầu tư (kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội, các nguồn tài nguyên hiện có, các cơ chế, chính sách,...) tác động đến môi trường đầu tư tại các khu vực được đầu tư, từ đó thu hút các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư dưới các hình thức khác nhau của FDI, phù hợp với lợi ích chung của cả nhà đầu tư và bên tiếp nhận đầu tư (Đỗ Đức Bình, 2015).

Bối cảnh mới thể hiện ở cả trong nước và quốc tế, có tác động mạnh tới thu hút FDI cho phát triển kinh tế của Việt Nam và tỉnh Thái Nguyên. Một là, tác động của COVID-19 nặng nề nhất tập trung vào nhóm các nền kinh tế lớn nhất, cũng là những đối tác FDI lớn nhất của Việt Nam và tỉnh Thái Nguyên. Do vậy, mặc dù tiến trình kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam được đánh giá là thành công trên thế giới cho đến thời điểm hiện tại,

nhưng ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 đối với nền kinh tế Việt Nam và tỉnh Thái Nguyên là rất rõ ràng do độ mở của nền kinh tế và sự phụ thuộc vào xuất khẩu của khu vực FDI. Hai là, Việt Nam cũng đã và đang thực hiện hàng loạt Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs) như: (i) Hiệp định Thương mại tự do giữa EU và Việt Nam (EVFTA); (ii) Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa EU và Việt Nam (EVIPA); và (iii) Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Mặt khác, bối cảnh quốc tế, những yếu tố nền tảng được kỳ vọng là động lực mới thu hút FDI cho phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên như cách mạng công nghiệp 4.0; công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI); dữ liệu lớn (big data).

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp: Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được cập nhật từ các Báo cáo và tài liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, các năm từ 2010 đến 2022; Báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên, những dự báo về xu hướng thu hút FDI tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh mới.

Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu: Số liệu sau khi thu thập, được tổng hợp theo các chỉ tiêu nghiên cứu; phân tích số liệu bằng các phương pháp phân tích thống kê mô tả, đồ thị và phương pháp so sánh. Ngoài ra, tác giả ứng dụng phần mềm Microsoft Excel 2013; dựa trên các số tuyệt đối, số tương đối và số bình quân để phân tích, mô tả số liệu. Đánh giá mối quan hệ giữa mặt số lượng và giá trị; đánh giá được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI tại tỉnh Thái Nguyên 30 năm qua.

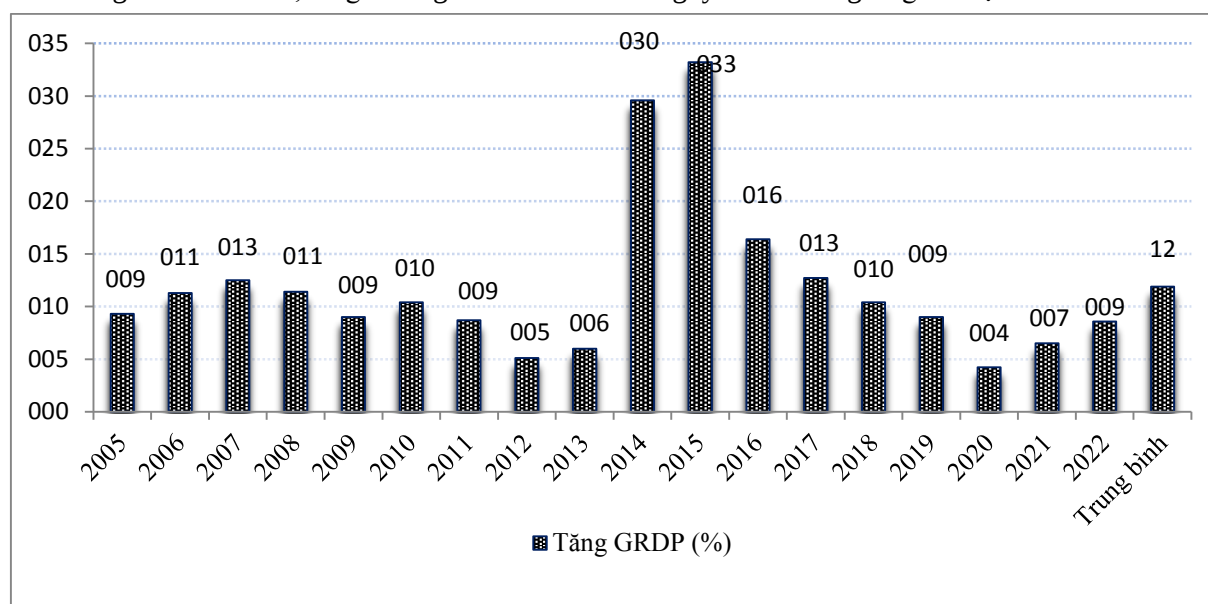
4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng thu hút FDI ở tỉnh Thái Nguyên

Giai đoạn 2005 - 2022, tăng trưởng GRDP của tỉnh Thái Nguyên cho thấy bắt đầu suy giảm sau giai đoạn 1993 - 2005, từ sau khủng hoảng kinh tế toàn cầu 2008 và suy giảm mạnh đến năm 2012. Tuy vậy, sự hiện diện của Tập đoàn Samsung vào năm 2013 và thông tuyến cao tốc Hà

Nội - Thái Nguyên đầu năm 2014, đã dẫn đến sự tăng trưởng nhanh chóng, giai đoạn 2019-2022 do ảnh hưởng của Covid-19, tăng trưởng GRDP của

tỉnh Thái Nguyên giảm xuống. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP của tỉnh Thái Nguyên cao trong cả giai đoạn 2014-2022.



Hình 01: Tăng trưởng GRDP của tỉnh Thái Nguyên, 2005 - 2022

Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Một là, giai đoạn 1993 - 2005 là giai đoạn nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên tăng trưởng phụ thuộc chủ yếu vào nguồn lực nội địa, đã có sự xuất hiện của các dự án FDI nhưng quy mô vốn đầu tư và số lượng các dự án FDI chưa lớn. Giai đoạn 2005 - 2013, kinh tế của tỉnh Thái Nguyên tăng trưởng, phát triển với tốc độ ổn định và có sự chuyển dịch cơ cấu theo ngành khá hợp lý. Theo đó, tỷ trọng ngành nông lâm thủy sản giảm tương đối từ 26,21% (năm 2005) xuống còn 22,6% (năm 2009) và 19,74% (năm 2013), tăng tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng từ 38,71% (năm 2005) lên 40,71% (năm 2009) và 41,44% (năm 2013), tăng tương đối tỷ trọng ngành dịch vụ từ 35,08% (năm 2005) lên 36,69% (năm 2009) và 38,82% (năm 2013). Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với xu thế chuyển đổi kinh tế chung của cả nước và các thành phố lớn khác, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đã đề ra. Tổng vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1993-2013 dưới 1 tỷ USD (Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2020).

Hai là, giai đoạn 2013 - 2022, FDI tại tỉnh Thái Nguyên tăng mạnh, với sự xuất hiện của

Samsung và các TNCs lớn, tổng vốn FDI giai đoạn này gần 10 tỷ USD; kinh tế tỉnh Thái Nguyên tăng trưởng với đạt tốc độ cao, trong đó lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng nổi trội; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đây là điểm nhấn quan trọng phát triển kinh tế của tỉnh. Trong giai đoạn này, tỉnh Thái Nguyên đã tăng cường phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, lợi thế nên tốc độ tăng GRDP hằng năm đều cao hơn bình quân chung cả nước, đặc biệt là năm 2016 và 2017 tốc độ tăng GRDP đạt trên 13%; từ năm 2018 tốc độ tăng trưởng chậm lại do các dự án lớn đã ổn định năng lực và sản xuất đạt công suất thiết kế. Giai đoạn 2020 - 2022, tăng GRDP của tỉnh Thái Nguyên bình quân đạt 7,3%; nếu tính cả giai đoạn 2016 - 2022, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 11,2%/năm; trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất với mức tăng hơn 14,5%/năm; khu vực dịch vụ (gồm cả thuế sản phẩm) tăng khoảng 7,3%/năm và khu vực nông lâm nghiệp thủy sản tăng khoảng 3,9%/năm. Mức đóng góp tương ứng vào tốc độ tăng chung

11,2% là khu vực công nghiệp, xây dựng đóng góp lớn nhất, đạt 8,6 điểm phần trăm, tiếp đến là khu vực dịch vụ 2,1 điểm phần trăm và khu vực nông lâm nghiệp thủy sản đóng góp 0,4 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.

Ba là, cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng của từng ngành dưới tác động của FDI. Trong 30 năm (1993 - 2022) cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ; giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản trong tổng GRDP của tỉnh. Năm 2022,

tốc độ tăng GRDP tỉnh Thái Nguyên đạt gần 8,6% so với năm 2021; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,23%, đóng góp 0,41 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,75%, đóng góp 6,29 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,35%, đóng góp 1,89 điểm phần trăm; tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ chiếm khoảng 90%; chuyển dịch tăng cơ cấu lên hơn 14,5 điểm phần trăm so với năm 2014; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chuyển dịch cơ cấu giảm từ 19,0% xuống còn 10,1% (xem bảng 01).

Bảng 01: Đóng góp của các ngành vào tăng GRDP tỉnh Thái Nguyên, 2005 - 2022

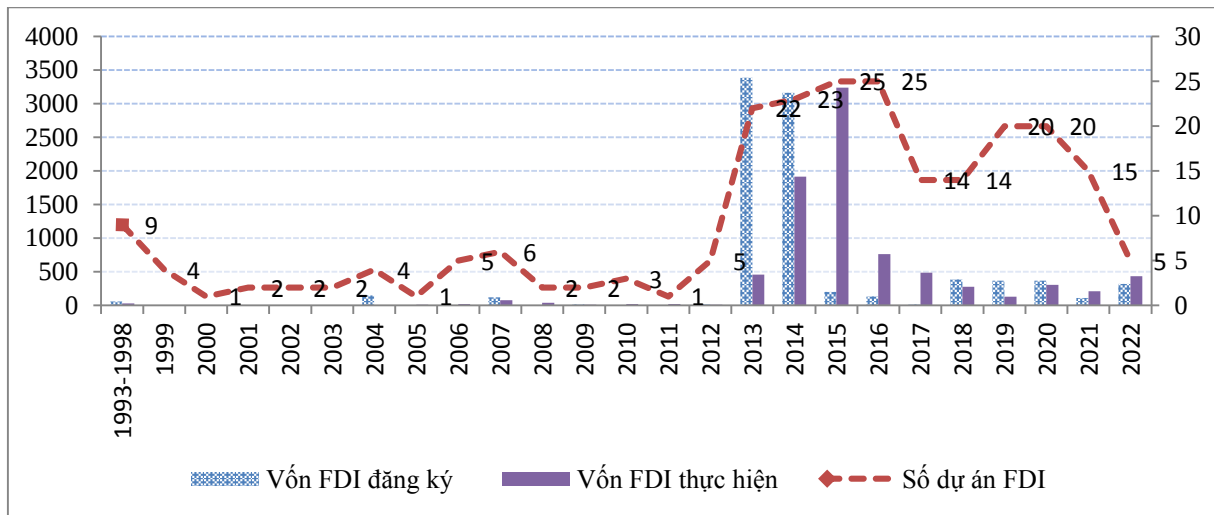
Giai đoạn	Năm 2005	2006 - 2010	2011 - 2013	2005 - 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2022
Giá trị (tỷ VNĐ) - theo giá hiện hành							
Tổng số (GRDP)	6.587,4	67.716,6	89.539,9	163.843,9	43.792	54.063	142.950
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	1.726,4	15.613,3	18.733,9	36.073,6	8.327,6	9.162	14.437
Công nghiệp và xây dựng	2.550,3	27.297,6	37.254,5	67.102,3	19.255,98	27.035	83.626
Dịch vụ	2.310,7	24.805,7	33.551,5	60.668,0	16.208,15	17.865	44.886
Cơ cấu (%)							
Tổng số (%GRDP)	100	100	100	100	100	100	
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	26,21	23,38	20,99	23,53	19,0	16,95	10,1
Công nghiệp và xây dựng	38,71	40,04	41,56	40,1	44,0	50,00	58,5
Dịch vụ	35,08	36,58	37,45	36,37	37,0	33,05	31,4

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Thái Nguyên và tính toán của tác giả

Nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 1993-2013, tốc độ tăng trưởng bình quân năm giảm so với giai đoạn 1993-2003 là 0,34 điểm %, đến 2013-2023 mức giảm đã lên tới 0,68 điểm % so với 2003-2013. So sánh với giai đoạn 1993-2003, tăng trưởng giai đoạn 2013-2022 chỉ bằng 85% và đạt được mục tiêu đặt ra trong Chiến lược phát triển

kinh tế - xã hội giai đoạn 2015-2025 (7-8%).

Sau hơn 30 năm kể từ khi thu hút dự án FDI đầu tiên vào tỉnh Thái Nguyên (1993-2022), nguồn vốn FDI đã đóng góp vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình thu hút FDI và lượng vốn FDI vào tỉnh Thái Nguyên trong các giai đoạn khác nhau (hình 02).



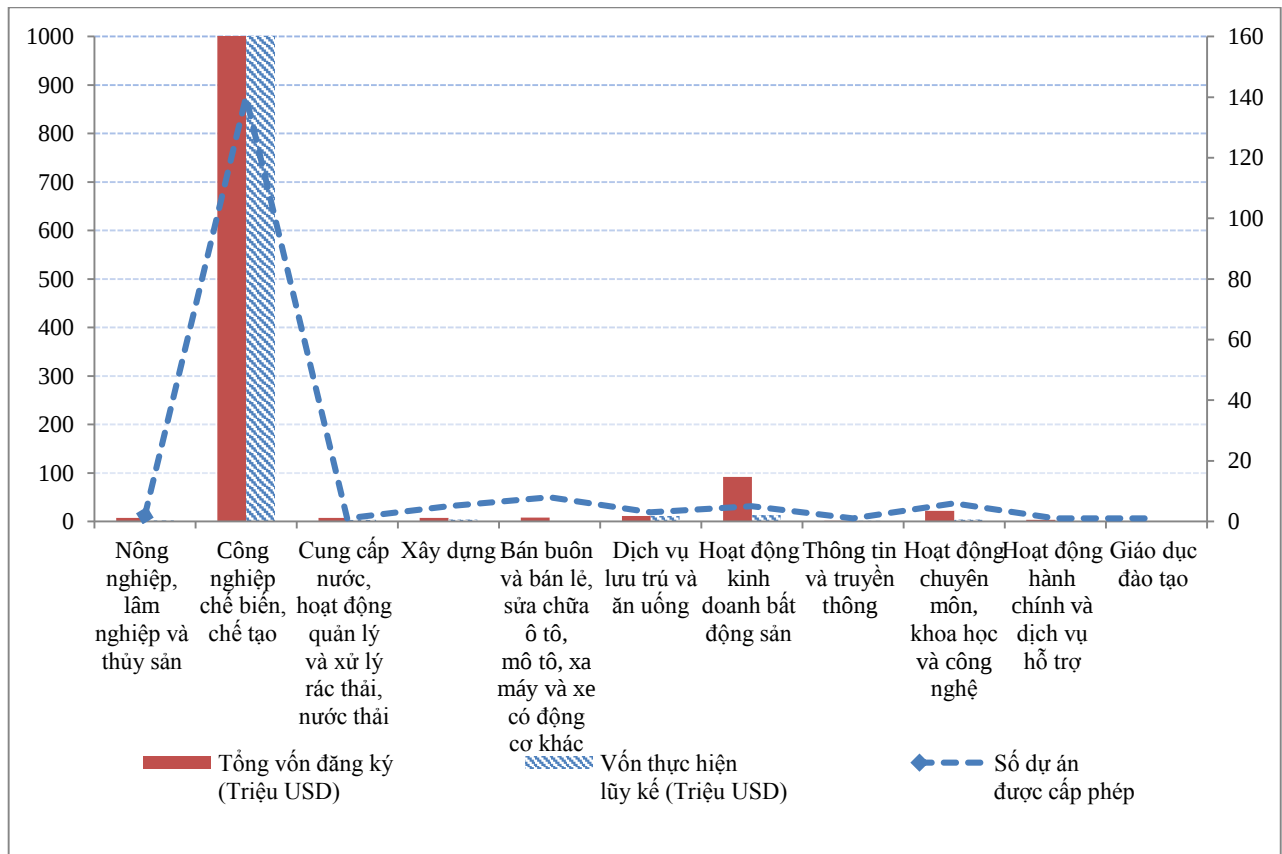
Hình 02: FDI tại tỉnh Thái Nguyên (1993-2022)

Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Thứ nhất, quy mô vốn FDI: Giai đoạn 1993 – 2012, nguồn vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên còn khá khiêm tốn, trong 10 năm, vốn FDI đăng ký đạt dưới 0,5 tỷ USD, tỷ lệ giải ngân vốn FDI đạt 60%. Trong giai đoạn này, nền kinh tế tăng trưởng chủ yếu dựa vào nguồn nội lực; thu hút FDI vào tỉnh 20 năm nhưng rất khó khăn, các dự án FDI có quy mô nhỏ (chỉ dưới 150 triệu USD); kết cấu hạ tầng và hệ thống khung khổ pháp lý cho thu hút FDI còn chưa hoàn thiện, các lĩnh vực và ưu đãi thu hút FDI còn hạn chế. Trong giai đoạn này, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế tài chính châu Á, nguồn vốn FDI của Việt Nam và tỉnh Thái Nguyên chủ yếu đến từ các nước châu Á, cùng với những ảnh hưởng gián tiếp của sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài năm 1996, trong đó yêu cầu nâng tỷ lệ nội địa hóa, điều chỉnh định hướng thu hút FDI hướng về xuất khẩu thay vì thay thế nhập khẩu, thay đổi trong một số chính sách ưu đãi thuế,... do vậy dòng vốn FDI vào tỉnh Thái Nguyên chững lại và tăng trưởng chậm. Giai đoạn từ 2009 đến 2013, Việt Nam sau khi đạt đỉnh điểm vào năm 2008, dòng vốn FDI có xu hướng giảm sút. Trong giai đoạn này, dòng FDI chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, khủng hoảng nợ công tại một số quốc gia và khu vực, bản thân nền kinh tế Việt Nam cũng bộc lộ nhiều yếu kém, tỉnh Thái Nguyên không nằm ngoài xu hướng này. Các yếu tố trước đây là lợi thế trong thu hút FDI như tài

nguyên, nguồn lao động giá rẻ,... đã giảm dần và không rõ nét trong thu hút FDI theo hướng đề cao chất lượng lao động, môi trường đầu tư, kết cấu hạ tầng, sự phát triển của ngành công nghiệp hỗ trợ, trình độ công nghệ... Tất cả các tác động cộng hưởng nêu trên đã khiến cho dòng vốn FDI vào tỉnh Thái Nguyên chững lại và giảm sút.

Thứ hai, đối tác và lĩnh vực thu hút FDI tại tỉnh Thái Nguyên: Giai đoạn 2013 – 2022, dòng vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên liên tục tăng, cả về số dự án và vốn đăng ký. Tính lũy kế đến ngày 31/12/2022, tỉnh Thái Nguyên có 232 dự án, đến năm 2022 có 173 dự án FDI còn hiệu lực, tổng vốn FDI đăng ký trong 30 năm đạt gần 9,0 tỷ USD, vốn thực hiện đạt gần 8,5 tỷ USD (chiếm 94,4%), có khoảng 10 quốc gia, vùng lãnh thổ có đầu tư tại tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, đứng đầu là Hàn Quốc có 111 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 7,3 tỷ USD; Trung Quốc có 17 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 145 triệu USD và Hồng Kông có 14 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 844,4 triệu USD. FDI vào 10 ngành của 21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân tại tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp điện tử, chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với 140 dự án, hơn 8,9 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm hơn 98% tổng vốn FDI đăng ký tại tỉnh Thái Nguyên (hình 03).



Hình 03: FDI theo lĩnh vực đầu tư tại tỉnh Thái Nguyên (1993-2022)

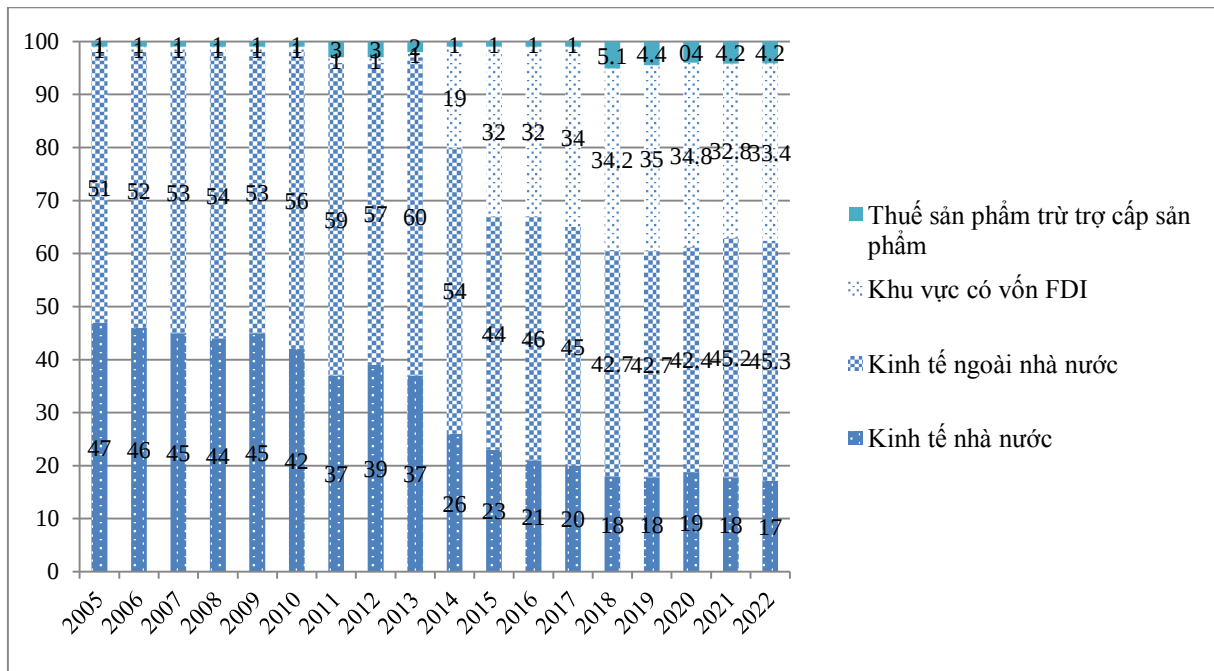
Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

4.2. Đóng góp của FDI đối với phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên

Một là, bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển và tăng GRDP: Thực tế cho thấy, khu vực FDI ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Thái Nguyên và là khu vực có tốc độ phát triển năng động nhất. Qua nghiên cứu cho thấy, vốn FDI là nguồn vốn quan trọng trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn tỉnh và là động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng của Thái Nguyên trong 30 năm qua.

Kết quả phân tích cơ cấu theo thành phần kinh tế chỉ ra vai trò và sức ảnh hưởng của khu vực FDI. Với xuất phát gần như bằng 0 giai đoạn 1993 - 2013, hiện tại đóng góp của khu vực FDI

chiếm tỷ trọng 33,4% GRDP và vươn lên vị trí đầu trong nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước (gồm cả khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể) vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất, song vị thế của thành phần kinh tế tư nhân trên địa bàn là rất thấp, chỉ bằng khoảng 50% so với đóng góp của khu vực FDI. Thành phần kinh tế cá thể mặc dù giảm dần nhưng vẫn đóng vai trò khá quan trọng trong khu vực kinh tế dân doanh tại tỉnh Thái Nguyên. Điều này biểu hiện cơ cấu và tập quán kinh doanh nhỏ lẻ của người dân trên địa bàn. Trong khi đó, vai trò của thành phần kinh tế nhà nước đã giảm mạnh từ 47% năm 2005 xuống còn 17,2% vào năm 2022, đặc biệt là giai đoạn từ 2012 đến nay (hình 04).

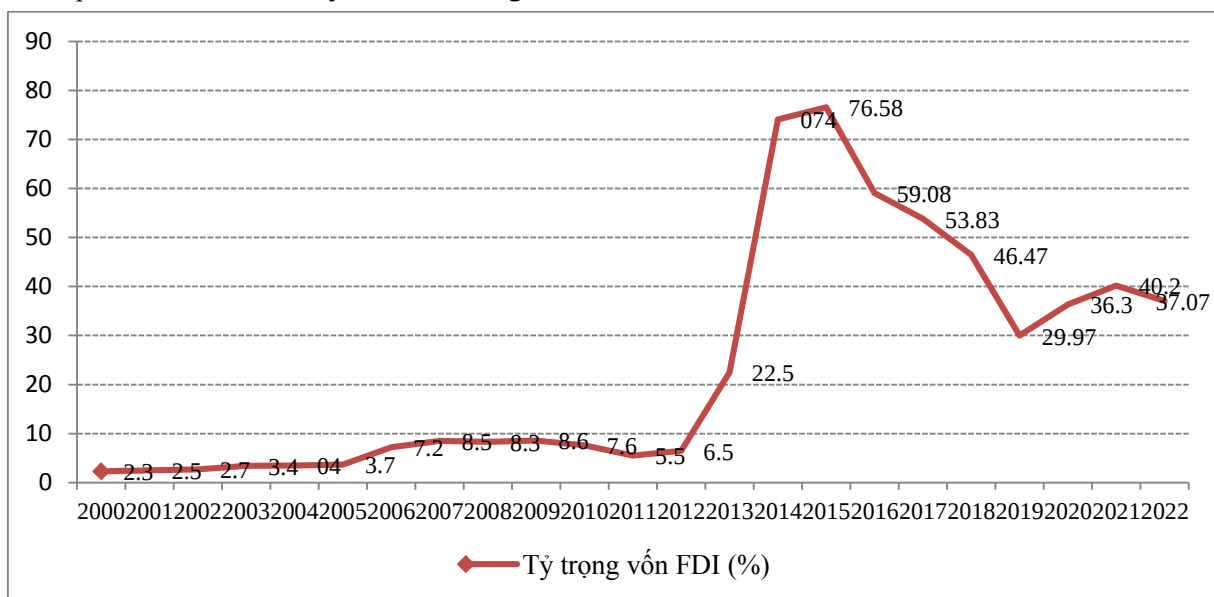


Hình 04: Đóng góp của khu vực FDI vào GRDP ở tỉnh Thái Nguyên (tỷ lệ %)

Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Đóng góp của FDI trong tổng vốn đầu tư xã hội tại tỉnh Thái Nguyên có biến động lớn (từ tỷ trọng chiếm 2,3% vào năm 2000 đã tăng lên mức 22,5% năm 2013 và 76,58% năm 2015). Tỷ lệ này có giảm dần, sau đó tiếp tục ổn định trong giai đoạn 2018-2022. Tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn tỉnh duy trì ở mức trung bình

khoảng 47,5% trong giai đoạn 2013 – 2022 (hình 05). Ưu điểm vượt trội của nguồn vốn FDI so với các nguồn vốn đầu tư khác là gắn với chuyển giao công nghệ, thúc đẩy xuất khẩu; tiếp nhận cách thức, kinh nghiệm quản lý hiện đại từ các TNC và nước phát triển.



Hình 05: Tỷ trọng FDI trong vốn đầu tư toàn xã hội tỉnh Thái Nguyên (%)

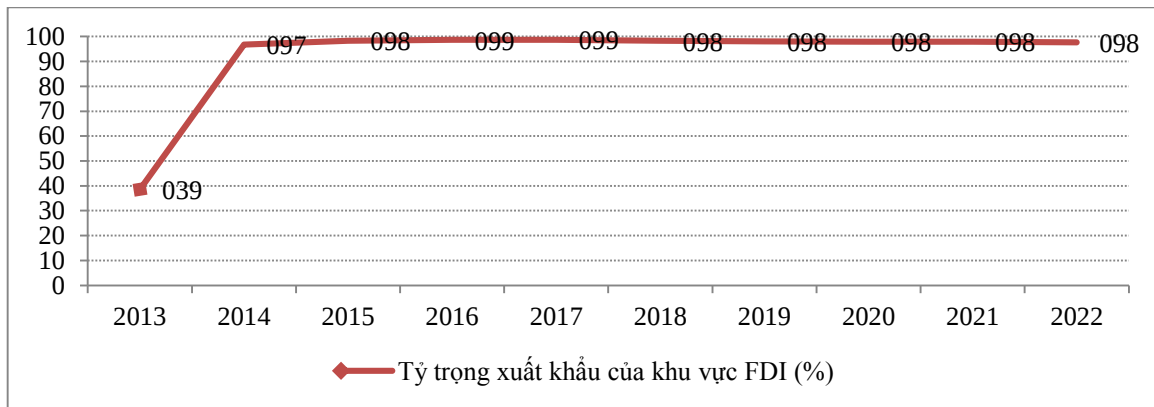
Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Hai là, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại: Trong quá trình thu hút FDI, chính sách thu hút của tỉnh Thái Nguyên cũng dần được cải thiện và phù hợp hơn với trình độ kinh tế - xã hội từng giai đoạn. Một trong những mục tiêu của FDI, đó là thu hút những dự án vào các lĩnh vực trọng điểm, được ưu đãi. Vì vậy, khu vực FDI đã góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Trong tổng số vốn FDI, có 98% vốn FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp điện tử, chế biến, chế tạo; tạo ra trên 70% giá trị sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của tỉnh Thái Nguyên. Khu vực FDI cũng đã thực hiện chuyển giao công nghệ ở một số ngành, lĩnh vực và có tác động lan tỏa công nghệ nhất định tới khu vực doanh nghiệp trong nước của tỉnh; thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ... Bên cạnh việc đóng góp cho phát triển của những ngành quan trọng như viễn thông, điện tử,... thì FDI cũng góp phần hình thành một số ngành công nghiệp mới tại tỉnh. Đây là nền tảng quan trọng để thực hiện quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển nền kinh tế số của tỉnh Thái Nguyên.

Ba là, chuyển giao công nghệ: Trong 30 năm thu hút FDI tại tỉnh Thái Nguyên, chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI là một trong những kênh chủ yếu, thông qua các Công ty xuyên quốc gia (TNCs) có tính đột phá để nâng cao năng lực công nghệ của tỉnh Thái Nguyên. Chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI luôn đi kèm với đào tạo nhân lực vận hành, quản lý và nhờ học qua làm (learning by doing). Từ đó, đào tạo được đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật có trình độ, tay nghề khá cao. Khảo sát cho thấy, có 44% doanh nghiệp FDI thực hiện đào tạo lại lao động với các mức độ khác nhau (cho khoảng 30% số lao động tuyển dụng). Đối với một số khâu chủ yếu của dây chuyền công nghệ tiên tiến hoặc đặc thù, lao động sau khi tuyển dụng được đưa đi bồi dưỡng ở các công ty mẹ ở nước ngoài. Đến nay, hầu hết công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn và đội ngũ cán

bộ, công nhân kỹ thuật cao ở tỉnh Thái Nguyên được tập trung trong khu vực FDI.

Bốn là, FDI đóng góp vào xuất nhập khẩu của tỉnh Thái Nguyên: Nguồn vốn FDI đóng vai trò như là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu của tỉnh Thái Nguyên. Mặt khác, giá trị xuất nhập khẩu của tỉnh Thái Nguyên phần lớn đến từ hoạt động của các doanh nghiệp FDI và các doanh nghiệp cung ứng cho khu vực FDI, chiếm tới hơn 80% giá trị xuất nhập khẩu của tỉnh Thái Nguyên. Thuế xuất nhập khẩu là nguồn thu phải chuyển 100% về Trung ương. Giá trị thu được cho tỉnh Thái Nguyên có được từ tổ hợp Samsung và các doanh nghiệp FDI chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu và thuế thu nhập cá nhân của người lao động. Thuế thu nhập doanh nghiệp từ các doanh nghiệp FDI chưa nhiều do đang trong giai đoạn miễn giảm thuế. Tổng số thu ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp FDI giai đoạn 2013 - 2022 trên 10.000 tỷ VND, trong đó trên 8.000 tỷ VND đến từ thuế thu nhập doanh nghiệp của các nhà thầu. Trong khi đó, mặt hàng nhập khẩu chủ yếu đến từ khu vực FDI với các mặt hàng chủ yếu gồm: Nguyên liệu và linh kiện điện tử (chiếm 96,4% tổng số, tăng 21,6%); vải các loại (đạt 114,2 triệu USD, tăng 17,2%), nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc (đạt 64,8 triệu USD, tăng 81,9%). Nhóm mặt hàng giảm so với năm trước là: Phụ liệu hàng may mặc (đạt 11 triệu USD, giảm 31,1%), máy móc thiết bị (đạt 122,4 triệu USD, bằng 18,3% năm 2016), sắt thép các loại (đạt 21,9 nghìn tấn, bằng 8,9%, trong đó phế liệu sắt thép đạt 1.006 tấn, chỉ bằng 4,1% so với 2012). Kết quả này cho thấy xu hướng nhập khẩu để phục vụ nhà thầu từ năm 2022 đã bắt đầu suy giảm mạnh sau đỉnh điểm vào giai đoạn 2014 - 2016. Tính riêng năm 2022, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 29,9 tỷ USD. Trong đó, khu vực kinh tế có vốn FDI đạt 29,2 tỷ USD; xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước là 699,3 triệu USD.

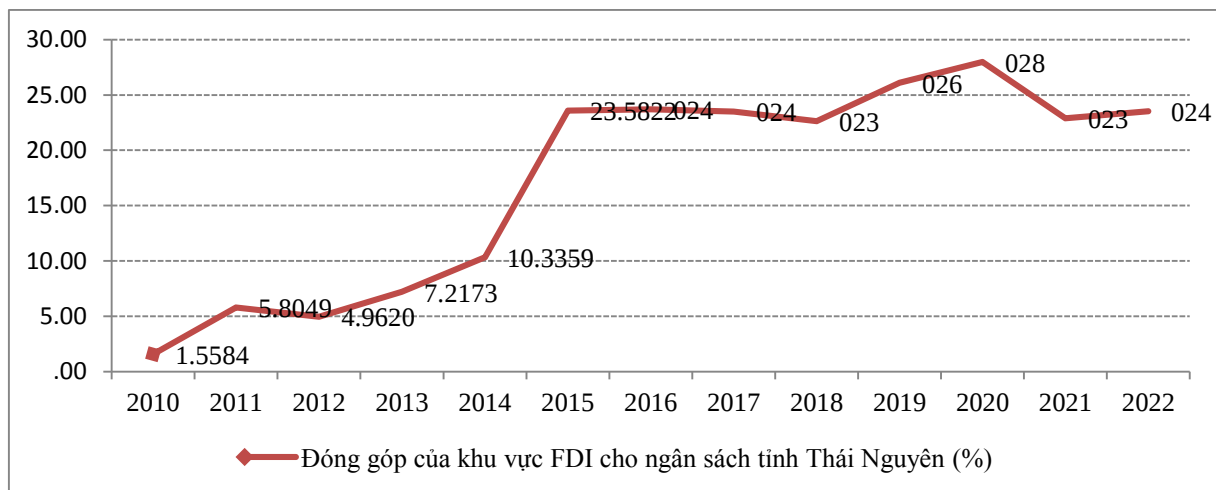


Hình 06: Tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI so với cả tỉnh Thái Nguyên

Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Năm là, đóng góp của FDI cho thu ngân sách của tỉnh Thái Nguyên: Tỷ trọng thu ngân sách nhà nước từ khu vực FDI ở tỉnh Thái Nguyên trước năm 2010 chỉ khoảng 1%; năm 2010 là 1,6%, năm 2013 là 7,2% và năm 2015 là 23,6%;

duy trì ổn định tỷ trọng hằng năm từ 22% đến 27% cả giai đoạn 2016-2022. Năm 2022 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là gần 20 nghìn tỷ VNĐ, trong đó đóng góp từ khu vực FDI khoảng 4,5 nghìn tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 23,5%).



Hình 07: Đóng góp của khu vực FDI cho ngân sách tỉnh Thái Nguyên (%)

Nguồn: Tính toán của tác giả theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên

Sáu là, FDI giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh Thái Nguyên: 30 năm thu hút FDI vào tỉnh, FDI đã đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, một nhân tố cơ bản để kinh tế tỉnh Thái Nguyên hội nhập và phát triển. Tính đến 31/12/ 2022, khu vực FDI đã tạo ra việc làm cho trên 15 vạn lao động trực tiếp và khoảng 5 - 6 vạn lao động gián tiếp. Trong đó, nhiều lao động đã được đào tạo ở trong

và ngoài nước; chất lượng của lao động trong khu vực FDI tốt hơn rõ rệt. Người lao động trong khu vực FDI đã và đang là những “hạt nhân” để phát triển lực lượng lao động trình độ, tay nghề cao của tỉnh. Thêm vào đó, số việc làm tạo ra nhờ hiệu ứng lan tỏa của khu vực FDI cũng là một con số đáng kể. Các doanh nghiệp FDI yêu cầu về chất lượng lao động cũng là một cơ hội để tỉnh Thái Nguyên rút ngắn khoảng cách năng suất lao động với các địa phương khác của Việt Nam; năng suất lao

động bình quân chung các ngành của tỉnh Thái Nguyên theo giá hiện hành năm 2022 đạt 145 triệu đồng/1 lao động, gấp 1,5 lần so với năm 2015 và cao hơn khoảng 1,4 lần so với bình quân chung cả nước. Nguyên nhân dẫn đến mức tăng năng suất lao động của tỉnh cao hơn so với bình quân chung cả nước là do tác động của FDI tới cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; dẫn đến lao động ngành công nghiệp tăng nhanh từ năm 2015 và cao nhất ở năm 2018 và tạo ra giá trị tăng thêm ngành công nghiệp lớn nên năng suất lao động đạt cao.

4.3. Những hạn chế, bất cập của FDI đối với nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên

Có thể nói sự hiện diện của FDI trong 30 năm qua đã góp phần thay đổi tích cực nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên. Những kết quả trên là không thể phủ nhận đóng góp của khu vực FDI cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, FDI tại tỉnh Thái Nguyên cũng còn nhiều hạn chế, bất cập.

Một là, một số chính sách ưu đãi thu hút FDI còn thiếu và yếu; chính sách quy hoạch còn bất cập, phải sửa đổi bổ sung nhiều lần, một số ngành, lĩnh vực trọng điểm chưa có quy hoạch phát triển như: ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao...

Hai là, các chính sách ưu đãi thu hút FDI của tỉnh chưa đủ mạnh, chưa có điểm đột phá như chính sách xúc tiến thu hút FDI. Hình thức vận động FDI còn đơn lẻ, thụ động, hiệu quả chưa cao, chủ yếu các chương trình xúc tiến đầu tư đều theo chương trình tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Mặc dù địa phương cũng đã chủ động xúc tiến thu hút FDI nhưng chưa đa dạng các quốc gia vận động, chủ yếu trong những năm qua tập trung vào Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Ba là, việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, mặc dù đã có quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội từng năm, từng giai đoạn nhưng vẫn chưa đủ thông tin chi tiết về các dự án FDI để cung cấp cho nhà đầu tư. Thông tin về dự án FDI chỉ dừng lại ở tên dự án, tổng vốn đầu tư, địa bàn, lĩnh

vực, chưa có quy mô, thông số kỹ thuật cụ thể.

Bốn là, chính sách thu hút FDI phải hướng tới nâng cao chất lượng và hiệu quả trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, hiệu quả kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển từ phát triển theo “chiều rộng” sang “chiều sâu”, chuyển từ số lượng sang chất lượng của mỗi dự án FDI, FDI xanh. Các chính sách ưu đãi FDI của địa phương cần chọn lọc, không thể ưu đãi các dự án đều như nhau; nhà đầu tư nào cũng đều được ưu đãi như nhau như về đất đai, thuế,... Chính sách thu hút FDI của tỉnh Thái Nguyên chưa bảo đảm hấp dẫn nhà đầu tư tiềm năng vào ngành, nghề lĩnh vực công nghệ cao, thân thiện với môi trường; đồng thời chưa tạo được rào cản kỹ thuật đối với những dự án FDI công nghệ thấp, gây ô nhiễm môi trường.

Năm là, bên cạnh những chính sách hỗ trợ, thu hút FDI, tỉnh Thái Nguyên còn quá chú trọng vào thu hút và kêu gọi các dự án FDI mới, chưa dành sự quan tâm thích đáng cho quản lý, giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp FDI sau cấp phép đầu tư (mới dừng lại ở khâu cấp phép, chưa chú trọng đến khâu sau cấp phép), dẫn đến hiệu quả của một số dự án FDI chưa cao; việc hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI sau cấp phép còn nhiều khó khăn, các đơn vị làm tư vấn, hỗ trợ nhà đầu tư nước ngoài chưa đủ mạnh.

Sáu là, các chính sách cải thiện môi trường FDI của tỉnh Thái Nguyên đã có, nhưng chưa đủ mạnh tác động đến kết quả thu hút FDI của tỉnh; có sự mất cân đối về cơ cấu vốn FDI theo địa bàn; đã xảy ra tình trạng xả thải ra môi trường mà không qua xử lý của một số doanh nghiệp FDI; khu vực FDI nộp ngân sách chưa tương xứng với quy mô vốn đầu tư, suất đầu tư, cũng như diện tích đất sử dụng; một số dự án FDI có hiệu quả đầu tư thấp, chưa tạo ra giá trị gia tăng cao;... Theo đánh giá của VCCI, PCI của tỉnh Thái Nguyên những năm qua đã có những thăng hạng vượt bậc, nhưng chất lượng của từng chỉ số thành phần còn bất cập, có chỉ số thành phần thấp hơn so với địa phương khác, có những chỉ số giảm điểm. PCI của tỉnh

trong những năm trước luôn duy trì trong top cao của cả nước. Tuy nhiên, đến năm 2020 và 2022, PCI của Thái Nguyên giảm xuống.

Bấy là, cùng với tác động từ thực thi cam kết của các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs) tới nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng; bối cảnh tác động rõ nét nhất tới kinh tế tỉnh Thái Nguyên, đó là đại dịch COVID-19. Do vậy, mặc dù tiến trình kiểm soát dịch bệnh tại Việt Nam được đánh giá là thành công nhất thế giới cho đến thời điểm hiện tại, nhưng ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19 đối với nền kinh tế tỉnh Thái Nguyên là rất rõ ràng, bởi độ mở của nền kinh tế và sự phụ thuộc vào xuất khẩu của khu vực FDI. Trong khi FDI và xuất khẩu của tỉnh Thái Nguyên phụ thuộc lớn vào Samsung.

Là địa điểm sản xuất điện thoại thông minh chính của Samsung trên toàn cầu, Samsung Thái Nguyên gặp phải nhiều khó khăn nghiêm trọng. Sự suy giảm về khối lượng sản xuất, kim ngạch xuất khẩu, lợi nhuận và tất yếu dẫn tới giảm các khoản thuế Samsung đóng góp cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng cũng như Việt Nam nói chung. Số liệu thống kê cho thấy, số thu ngân sách từ Samsung trong 5 tháng năm 2020 chỉ đạt 5.107 tỷ đồng (tương đương 32,8% số thu ngân sách năm 2019) trong đó, với tỉnh Thái Nguyên, số thu ngân sách từ Samsung 5 tháng năm 2020 đạt 1.896 tỷ đồng (chiếm 33,8%). Tương tự như vậy, các nhà cung ứng trong mạng lưới sản xuất của Samsung cũng chịu tác động liên đới, các khoản thuế của họ cũng bị suy giảm một cách tương ứng. Điều này một lần nữa cho thấy rủi ro nghiêm trọng khi hoạt động công nghiệp của tỉnh Thái Nguyên hầu như chỉ phụ thuộc vào một mình Samsung và mạng lưới sản xuất của công ty này.

Tám là, việc suy giảm sản xuất của Samsung và một số doanh nghiệp FDI tại Thái Nguyên không chỉ gây nên tác động tiêu cực về thu thuế, mà còn tiềm ẩn một số rủi ro khác: (i) vấn đề việc làm của người lao động; (ii) chính sách tiết giảm chi phí của các doanh nghiệp FDI chắc chắn sẽ tạo ra áp lực giảm chi phí trong các

khâu cung ứng thượng nguồn. Điều này một mặt làm suy giảm lợi nhuận, vốn đã khá mỏng của các nhà cung ứng hiện tại, mặt khác làm khả năng các doanh nghiệp nội địa của tỉnh Thái Nguyên có thể gia nhập chuỗi cung ứng toàn cầu của các doanh nghiệp FDI càng trở nên khó khăn; (iii) quan trọng nhất, chính sách tiết giảm chi phí một lần nữa làm mạnh thêm động cơ của các doanh nghiệp FDI tìm kiếm các địa điểm sản xuất mới ở cả trong và ngoài Việt Nam để tận dụng các ưu đãi và khuyến khích tài khóa cao hơn.

4.4. Giải pháp tăng cường thu hút FDI vào tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh mới

Một là, để thu hút được các dự án FDI có chất lượng thì tỉnh Thái Nguyên phải chuẩn bị những điều kiện cơ bản như kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực có chất lượng và môi trường kinh doanh thuận lợi. Trong thời gian qua, những điều kiện này tuy đã được cải thiện song vẫn còn nhiều hạn chế. Trong giai đoạn sắp tới, đặc biệt là giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh Thái Nguyên nên tập trung cao nhất cho đầu tư kết cấu hạ tầng, vừa giúp khởi động lại và kích thích nền kinh tế, vừa giúp tạo thêm công ăn việc làm, đồng thời lại nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút FDI của tỉnh.

Hai là, xây dựng danh mục các dự án kêu gọi FDI giai đoạn 2025 - 2035, dự báo phương án FDI theo ngành, theo lĩnh vực, theo đối tác, theo nguồn vốn đầu tư,... Trong đó, tập trung vào công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi cung ứng của Samsung và các lĩnh vực FDI khác: xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, các dự án sản xuất công nghiệp chế biến có lợi thế về cung cấp nguyên liệu, công nghiệp giải quyết được nhiều lao động tại chỗ; các dự án FDI nông nghiệp, công nghệ cao; các dự án FDI sản xuất hàng xuất khẩu, dự án FDI đầu tư vào các địa bàn còn tiềm năng; các dự án FDI xử lý nước thải, chất thải; các dự án FDI về năng lượng, hạ tầng các khu công nghiệp tập trung, các dự án FDI xanh...

Ba là, tăng cường quản lý FDI, đảm bảo theo đúng những văn bản qui định của Nhà nước và những qui định của tỉnh về thu hút FDI. Đa

dạng hóa các hình thức tăng vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên, đa dạng hóa các hình thức FDI. Huy động vốn FDI bằng phương thức kết hợp giữa tỉnh với các nhà FDI, hợp tác đối tác công - tư (PPP).

Bốn là, cải thiện môi trường pháp lý, chính sách FDI hấp dẫn thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Tiếp tục cải thiện môi trường pháp lý đầu tư, kinh doanh; cải tiến thủ tục hành chính và nâng cao năng lực thi hành công vụ của cán bộ, công chức để duy trì kết quả cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh của Thái Nguyên (PCI) và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) để nằm trong số top 20 tỉnh cao nhất.

Năm là, quản lý tốt các dự án FDI sau khi đã cấp giấy phép đầu tư. Hỗ trợ việc triển khai thực hiện các dự án FDI sau khi cấp giấy phép đầu tư như giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công xây dựng, hỗ trợ công trình ngoài hàng rào, các thủ tục nhập khẩu máy móc thiết bị, cung ứng lao động, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FDI hoạt động và niềm tin cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Sáu là, tăng cường xúc tiến đầu tư; triển khai xúc tiến FDI đúng trọng tâm, bám sát nhu cầu thực tế của tỉnh. Chú trọng việc chuẩn bị mặt bằng và các kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác cho các dự án FDI đang xúc tiến, giải quyết các vướng mắc, khó khăn, tạo thuận lợi cho hoạt động của các dự án FDI đã đầu tư vào tỉnh... Lồng ghép chương trình xúc tiến FDI của tỉnh với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia. Chủ động xúc tiến đầu tư với nhiều hình thức khác nhau, trong đó chú trọng hình thức trực tiếp liên hệ, tiếp xúc với các đối tác, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trên thế giới để giới thiệu điều kiện, môi trường đầu tư của tỉnh. Kết hợp xúc tiến FDI với xúc tiến thương mại và du lịch tại các nước có tiềm năng như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, EU, Bắc Mỹ, ASEAN; kết hợp với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh lân cận như Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nội các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp về xúc tiến FDI để tổ chức các hoạt động hội thảo xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh của tỉnh. Công khai, minh bạch thông tin FDI, quảng bá hình ảnh, marketing địa phương trên các trang thông tin điện tử của tỉnh.

Bảy là, khuyến khích FDI ứng dụng, đổi mới công nghệ - kỹ thuật phù hợp, hiệu quả vào sản xuất công nghiệp. Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Nâng cao chất lượng nguồn lao động. Phát huy lợi thế có nhiều cơ sở đào tạo trên địa bàn; lập kế hoạch đào tạo khoảng 30 nghìn đến 35 nghìn công nhân kỹ thuật tập đoàn Samsung và các doanh nghiệp FDI tại tỉnh Thái Nguyên.

Tám là, tạo được mối liên kết gắn bó về quyền lợi với người dân vùng nguyên liệu. Các nhà máy chế biến của các dự án FDI cần tổ chức bộ phận phụ trách về nguyên liệu để phát triển vùng nguyên liệu... Hoàn thiện mạng lưới bán buôn và bán lẻ hàng hoá, dịch vụ, bao gồm: Các trung tâm thương mại đa chức năng hạng II, III; các siêu thị - trung tâm thương mại hạng II và hạng III tại các thị xã, thị trấn các huyện; mạng lưới chợ rộng khắp tại các thị trấn, thị tứ tạo thành các cụm thương mại - dịch vụ gắn với cụm công nghiệp.

Chín là, cũng cần tính tới tốc độ và khả năng tỉnh Thái Nguyên tái cơ cấu kinh tế và đổi mới thể chế thu hút FDI có phù hợp với tốc độ mở cửa trong CPTPP và các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia, để hiện thực hóa được lợi ích từ tăng trưởng về GRDP cũng như FDI ở tỉnh Thái Nguyên.

5. Kết luận

Sau 30 năm thu hút FDI, tỉnh Thái Nguyên đã chứng tỏ sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Tỷ trọng tăng trưởng của khu vực FDI ngày càng tăng, có nhiều đóng góp quan trọng cho tăng trưởng GRDP, chuyển giao khoa học công nghệ, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, giá trị xuất khẩu, phát triển công nghiệp hỗ trợ của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 1993 - 2022. Những thành công trong thu hút và sử dụng vốn FDI là nền tảng và cũng là bài học để tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thu hút FDI với những chính sách, định hướng FDI phù hợp với khu vực và thế giới.

Lời cảm ơn

Bài báo này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “Các yếu tố ảnh hưởng đến

quyết định tăng vốn FDI tại tỉnh Thái Nguyên”,
mã số B2023-TNA-31.

Các tác giả xin cảm ơn Bộ Giáo dục và Đào
tạo, Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Kinh

tế và Quản trị kinh doanh (TUEBA) đã hỗ trợ về
thời gian và tài chính để chúng tôi hoàn thành
nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2020). *Báo cáo tình hình thu hút và sử dụng vốn FDI giai đoạn 2010- 2020*, Hà Nội.
- [2]. Chính phủ (2016). *Nghị định số 131/2006/NĐ-CP*.
- [3]. Nguyễn Tiến Long. (2012). *Tác động của Đầu tư trực tiếp nước ngoài tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên*, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.
- [4]. Đỗ Đức Bình. (2015). *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [5]. Luật đầu tư. (2020). Số 61/2020/QH14, Quốc Hội khóa 14.
- [6]. Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022).
- [7]. Đỗ Hoài Nam. (1996). *Các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ Công nghiệp hóa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Thị Minh. (2009). Chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 3/370, trang 23.
- [9]. Tổng cục Hải quan Việt Nam. (2022). *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu*.
- [10]. Tổng cục Thống kê. (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam 2022*. Hà Nội
- [11]. Tổng cục Thống kê. (2023). *Niên giám thống kê 2022*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [12]. Trans Pacific Partnership pact to drive major gains for Vietnam in FDI, realty investment & exports, issued by DealstreetAsia, 20/10/2015.
- [13]. UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên. (2020). Đề án “*Nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Nguyên và vai trò của Samsung*”. Thái Nguyên.
- [14]. Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách. (2015). *Tác động của TPP và AEC lên nền kinh tế Việt Nam*. Hà Nội.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Tiến Long

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh
- Địa chỉ email: nguyentienlong@tueba.edu.vn; long_nt@tnu.edu.vn

2. Nguyễn Thị Thu Hà

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

3. Đàm Phương Lan

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

4. Nguyễn Thị Thu Thương

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh

5. Nguyễn Năng Khánh

- Đơn vị công tác: [Học viên Cao học QLKT - K18A](#), Trường Đại học Kinh
tế và Quản trị Kinh doanh

6. Lê Thị Hoài Anh

- Đơn vị công tác: Đại học Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 27/5/2024

Ngày nhận bản sửa: 14/6/2024

Ngày duyệt đăng: 25/6/2024